UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/KH-UBND	*Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030

Thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 *(Ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, sau đây gọi tắt là Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm)*; Kế hoạch số 183/KH-BCA-V01 ngày 28/3/2025 của Bộ Công an, UBND Thành phố Hà Nội ban hành kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổng kết đánh giá đúng thực trạng tình hình, kết quả triển khai, thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm; đánh giá rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

2. Thông qua việc tổng kết rút ra những vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở phục vụ nghiên cứu, tham mưu thực hiện việc tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phòng, chống tội phạm thời gian tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tiễn mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã).

3. Việc tổ chức tổng kết được tiến hành từ cơ sở, bám sát thực tiễn tình hình, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng thời gian quy định.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tổ chức tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm; tập trung kiểm điểm, đánh giá toàn diện việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nội dung của Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm, nhất là các chương trình phòng, chống tội phạm. Cụ thể:

1.1. Bối cảnh tình hình kinh tế xã hội và thực trạng tình hình tội phạm tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm. Việc tổ chức quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Trung ương Đảng, Quốc hội,

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về công tác phòng chống tội phạm; vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cơ quan sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp trên địa bàn Thành phố; vai trò tham mưu, nòng cốt của Công an Thành phố Hà Nội trong thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương vi phạm pháp luật hoặc để xảy ra tình hình tội phạm phức tạp, kéo dài, hoạt động lộng hành hoặc bao che tội phạm.

1.4. Kết quả công tác phòng ngừa tội phạm: Tập trung kiểm điểm, đánh giá kết quả công tác phòng, chống tội phạm *(đánh giá sâu về hình thức, nội dung, biện pháp, sự tham gia của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố trong phòng, chống tội phạm)*; kết quả thực hiện các Chương trình hành động, Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm giữa Công an Thành phố với các Sở, ban, ngành, đoàn thể; công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại địa bàn cơ sở; đánh giá những cách làm hay, mô hình phòng, chống tội phạm hoạt động lâu dài, có hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội phạm...; công tác phát hiện, giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

1.5. Kết quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự góp phần phòng ngừa tội phạm: Công tác quản lý cư trú, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý người nước ngoài, quản lý đối tượng tại địa bàn cơ sở; việc áp dụng các biện pháp đưa người đi nghiện đi cơ sở cai nghiện, cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng; công tác quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng...

1.6. Công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật về phòng chống tội phạm.

1.7. Công tác phát hiện, đấu tranh, xử lý tội phạm: Tập trung đánh giá cụ thể kết quả phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm *(xâm phạm an ninh quốc gia, hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, các loại tội phạm nổi lên...)*; công tác bắt truy nã; công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố.

1.8. Các đơn vị gồm: Công an Thành phố, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Y tế, Ngân hàng Nhà nước khu vực 1, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố Hà Nội chủ trì thực hiện các đề án của Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm tiến hành tổ chức đánh giá kiểm đếm kết quả thực hiện các đề án những mục tiêu nào đã đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân, kiến nghị điều chỉnh mục tiêu, nội dung của đề án trong thời gian tới. *(Có Phụ lục kèm theo)*.

1.9. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm. *(Bao gồm nguồn kinh phí do Trung ương cấp, kinh phí Thành phố hỗ trợ thực hiện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác).*

1.10. Công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm.

1.11. Những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, khó khăn, nguyên nhân (khách quan, chủ quan) và bài học kinh nghiệm.

1.12. Dự báo tình hình và dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm công tác phòng, chống tội phạm trong thời gian tới; kiến nghị, đề xuất.

*(Có đề cương báo cáo kèm theo kế hoạch này. Số liệu thống kê báo cáo từ ngày **15/6/2016** đến ngày **14/6/2025**, trong đó lưu ý đánh giá so sánh **giai đoạn 2** (từ 15/12/2020 đến 14/6/2025) với **giai đoạn 1** (từ 15/6/2016 đến 14/12/2020)).*

2. Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện; biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

3. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm và tình hình thực tiễn, nghiên cứu, tham mưu, kiến nghị, đề xuất với các cấp có thẩm quyền xây dựng Chương trình, kế hoạch phòng, chống tội phạm giai đoạn 2026 - 2030; kiến nghị các chủ trương, giải pháp mới về công tác phòng, chống tội phạm thời gian tới phù hợp với thực tiễn mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh các mục tiêu của Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới và thực tế tình hình địa bàn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức tiến hành tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế; bảo đảm đúng nội dung và tiến độ đề ra *(Kế hoạch tổng kết gửi về UBND Thành phố (qua Công an Thành phố) **trước ngày 25/4/2025**)*. UBND cấp huyện có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể và hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tổng kết tại cơ sở.

2. Công an Thành phố là đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Lãnh đạo UBND Thành phố trong quá trình tiến hành tổng kết, chịu trách nhiệm:

2.1. Tham mưu, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND các cấp tổng kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm.

2.2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm ***(Hoàn thành trong đầu quý III/2025).***

2.3. Xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025; dự kiến chương trình/kế hoạch phòng chống tội phạm giai đoạn 2026 - 2030 dựa trên cơ sở tổng hợp các nội dung tổng kết của

các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND các địa phương. Báo cáo tổng kết gửi về Bộ Công an *(qua Văn phòng Bộ Công an)* **trước ngày 01/7/2025.**

2.4. Phối hợp với Văn phòng Bộ Công an trong việc cung cấp tình hình, số liệu liên quan đến tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm trên địa bàn Thành phố Hà Nội khi có yêu cầu.

2.5. Tổng hợp danh sách, tham mưu, báo cáo, đề xuất UBND Thành phố xem xét, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm để đề nghị Trung ương khen thưởng.

2.6. Đề xuất, tham mưu UBND Thành phố tổ chức hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 ***(Hoàn thành xong trong quý III/2025)***.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố: Phối hợp với Công an Thành phố hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về hồ sơ, thủ tục khen thưởng; tham mưu UBND Thành phố khen thưởng khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm trên địa bàn Thành phố Hà Nội *(Sau khi có hướng dẫn của Bộ Công an)*.

4. Đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, UBND các cấp gửi Báo cáo tổng kết về UBND Thành phố *(qua Công an Thành phố)* **trước ngày 20/6/2025** để tổng hợp, báo cáo.

5. Kinh phí phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm và xây dựng chương trình/kế hoạch phòng, chống tội phạm giai đoạn 2026 - 2030 lấy từ nguồn kinh phí phòng, chống tội phạm Thành phố và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo 138/TP năm 2025.

6. Giao Công an Thành phố là cơ quan thường trực giúp UBND Thành phố đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- V01 - Bộ Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- VP Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy;
- Sở Nội vụ *(Ban Thi đua khen thưởng TP)*;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các cấp;
- VP UBND: CVP, các PCVP; NC, TH;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

THỐNG KÊ SỐ LIỆU
KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM
(Phục vụ tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
1. Tình hình, kết quả công tác đấu tranh chống tội phạm					
1	**Số lượt khiếu kiện**				
	Số lượt người tham gia khiếu kiện				
	Số vụ việc liên quan đến khiếu kiện				
2	**Số vụ phạm tội an ninh quốc gia**				
	Số vụ phát hiện				
	Số vụ khám phá				
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
3	**Số vụ phạm tội về trật tự xã hội**				
	Số vụ phát hiện				
	Số vụ khám phá				
	Số đối tượng phạm tội bị bắt giữ, xử lý				
	Số người chết trong các vụ phạm tội				
	Số người bị thương trong các vụ phạm tội				
	Thiệt hại (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
4	Số vụ đối tượng sử dụng vũ khí “nóng”				
5	Số vụ phạm tội có tổ chức				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
6	Số băng, nhóm tội phạm bị triệt phá				
7	Số vụ hiếp dâm				
	Số vụ mà nạn nhân là người dưới 16 tuổi				
8	Số vụ cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi				
	Số đối tượng cưỡng dâm người từ 13-16 tuổi				
9	Số vụ giao cấu với người từ 13-16 tuổi				
	Số đối tượng giao cấu với người từ 13-16 tuổi				
10	Số vụ dâm ô với người dưới 16 tuổi				
	Số đối tượng dâm ô với người dưới 16 tuổi				
11	Số vụ xâm hại trẻ em				
	Số đối tượng xâm hại trẻ em				
12	Số vụ lừa đảo, chiếm đoạt tài sản				
	Số đối tượng lừa đảo, chiếm đoạt tài sản				
13	Số vụ gây rối trật tự công cộng				
	Số đối tượng gây rối trật tự công cộng				
14	Số vụ giết người				
	Số đối tượng giết người				
	Số vụ giết người mà nạn nhân là người thân				
15	Số đối tượng giết người mà nạn nhân là người thân				
	Số vụ mua bán người				
16	Số đối tượng mua bán người				
	Số vụ cướp tài sản				
17	Số đối tượng cướp tài sản				
	Số vụ cưỡng đoạt tài sản				
18	Số đối tượng cưỡng đoạt tài sản				
	Số vụ cướp giật tài sản				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
19	Số đối tượng cướp giật tài sản				
	Số vụ trộm cắp tài sản				
20	Số đối tượng trộm cắp tài sản				
	Số vụ hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản				
21	Số đối tượng hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản				
	Số vụ chứa mại dâm				
22	Số đối tượng chứa mại dâm				
	Số vụ môi giới mại dâm				
23	Số đối tượng môi giới mại dâm				
	Số vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc				
	Số đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc				
24	Số vụ đánh bạc trên mạng Internet				
	Số vụ chống người thi hành công vụ				
	Số đối tượng chống người thi hành công vụ				
	Số vụ chống lực lượng Công an thi hành công vụ				
	Số đối tượng chống lực lượng Công an thi hành công vụ				
25	Số đối tượng truy nã đã vận động ra đầu thú, thanh loại				
	Số đối tượng truy nã bị bắt				
	Số đối tượng truy nã phát sinh				
	Số đối tượng truy nã hiện còn				
	Số đối tượng truy nã nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm hiện còn				
	Số vụ phạm tội về trật tự, quản lý kinh tế				
	Số vụ phát hiện				
	Số cá nhân bị phát hiện				
	Số tổ chức bị phát hiện				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
26	Tài sản thu hồi (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm				
	Số vụ sản xuất, buôn bán hàng giả				
	Số vụ trốn thuế				
	Số vụ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự				
	Số vụ vi phạm các quy định về quản lý đất đai				
	Số vụ vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản				
27	**Số vụ phạm tội về tham nhũng, chức vụ**				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng phạm tội về tham nhũng, chức vụ				
	Tài sản thu hồi là tiền mặt (tỷ đồng)				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ tham ô tài sản				
	Số đối tượng tham ô tài sản				
	Số vụ nhận hối lộ				
	Số đối tượng nhận hối lộ				
	Số vụ lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản				
	Số đối tượng lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản				
	Số vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
	Số đối tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ				
28	**Số vụ phạm tội về môi trường, an toàn thực phẩm**				
	Số vụ phát hiện				
	Số cá nhân bị phát hiện				
	Số tổ chức bị phát hiện				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ xử phạt hành chính				
	Số tiền xử phạt (tỷ đồng)				
	Số vụ khai thác khoáng sản trái phép				
	Số vụ gây ô nhiễm môi trường				
	Số vụ hủy hoại rừng				
	Số vụ vi phạm về quản lý chất thải nguy hại				
	Số vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm				
29	**Số vụ phạm tội lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông**				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng phạm tội				
	Số vụ khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
30	**Số vụ lợi dụng cao nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản**				
	Số đối tượng lợi dụng công nghệ cao, không gian mạng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản				
	Số vụ xử lý hành chính				
	Số tiền xử lý hành chính (tỷ đồng)				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
31	**Số vụ phạm tội về ma túy**				
	Số vụ phát hiện				
	Số đối tượng bị phát hiện				
	Số heroin thu giữ (kg)				
	Số ma túy tổng hợp dạng tinh thể thu giữ (kg)				
	Số ma túy tổng hợp dạng viên thu giữ (viên)				
	Số thuốc phiện thu giữ (kg)				
	Số cần sa thu giữ (kg)				
32	**Số vụ phạm tội có tổ chức**				
	Số đối tượng phạm tội có tổ chức				
33	**Số vụ phạm tội xuyên quốc gia**				
	Số đối tượng phạm tội xuyên quốc gia				
34	**Số vụ phạm tội có yếu tố nước ngoài**				
	Số đối tượng phạm tội có yếu tố nước ngoài				
35	**Số vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp**				
	Số đối tượng phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp				
36	**Số vụ phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"**				
	Số đối tượng phạm tội liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"				
2. Công tác điều tra, xử lý tội phạm					
	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố phải giải quyết				
	Trong đó: + Số mới nhận				
	+ Số phục hồi				
	+ Số còn tồn của kỳ trước				
	- Tổng số tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đã giải quyết				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
1	Trong đó: + Số đã khởi tố				
	+ Số không khởi tố				
	+ Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết				
	- Số cuối kỳ đang trong thời hạn giải quyết				
	- Số quá hạn giải quyết				
	Tổng số vụ án đã thụ lý				
	Tổng số bị can đã thụ lý				
	Số vụ án khởi tố mới				
	Số bị can khởi tố mới				
	Số vụ cơ quan điều tra đề nghị truy tố				
	Số bị can cơ quan điều tra đề nghị truy tố				
2	Số vụ VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT				
	Số bị can VKS hủy quyết định khởi tố của CQĐT				
3	Số vụ VKS hủy quyết định không khởi tố của CQĐT				
4	Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định khởi tố				
	Số vụ CQĐT đã hủy bỏ				
5	Số vụ án CQĐT trong Công an nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				
6	Số vụ án CQĐT trong Quân đội nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
7	Số vụ án CQĐT Viện kiểm sát nhân dân thụ lý điều tra không thuộc thẩm quyền				
8	Số vụ án CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS				
	Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS				
9	Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp				
10	Số người VKS hủy quyết định tạm giữ				
	Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ				
	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam				
	Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam				
	Số bị can VKS không gia hạn tạm giam				
	Số người VKS yêu cầu CQĐT bắt để tạm giam				
	- Trong đó CQĐT đã bắt theo yêu cầu				
11	Số vụ CQĐT tạm đình chỉ điều tra				
	Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra				
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ				
	Số bị can VKS hủy quyết định tạm đình chỉ				
	Số vụ án tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ				
	Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ				
12	Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra				
	Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra				
	Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ				
	Số bị can VKS hủy quyết định đình chỉ				
	Số bị can bị đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm hoặc do hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện tội phạm				
	Số bị can được miễn trách nhiệm hình sự				

STT	Chỉ tiêu thống kê	Giai đoạn 1 Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 14/12/2020	Giai đoạn 2: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2025	So sánh Giai đoạn 2 với Giai đoạn 1:	
				Theo đơn vị đếm	Theo %
Công tác xây dựng mô hình phòng, chống tội phạm; giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân					
1	Tổng số mô hình đã xây dựng				
	Tổng số mô hình hoạt động hiệu quả				
	Tổng số mô hình đã thanh loại				
2	Tổng số các vụ việc mâu thuẫn kéo dài trong nội bộ nhân dân				
	Tổng số người liên quan				
	Tổng số vụ việc đã giải quyết ổn định				
	Tổng số vụ việc còn đang giải quyết				
	Tổng số vụ việc đã giải quyết nhưng chưa triệt để (tiếp tục phát sinh mâu thuẫn cần giải quyết)				
Quyết định đưa đối tượng đi Cơ sở giáo dục bắt buộc, Trường giáo dưỡng, Cơ sở cai nghiện bắt buộc; số đối tượng tái phạm tội					
1	Tổng số đối tượng đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc				
2	Tổng số đối tượng đưa đi trường giáo dưỡng				
3	Tổng số đối tượng đưa đi cai nghiện bắt buộc				
4	Tổng số đối tượng tái phạm tội				